

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **341/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 30-12-2021.

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1246/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 360/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 586/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Trần Thị H**, sinh năm 1973 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 19, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: **Ông Nguyễn Quốc C**, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 19, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hoà giải nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà kết hôn vào năm 1994, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố N, tỉnh H (Nay là tỉnh N), hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn về

mặt tình cảm và hai vợ chồng đồng nhất về quan điểm sống nên hay xảy ra xung đột, không còn tôn trọng lẫn nhau. Do vậy, bà có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì được Tòa án hoà giải để vợ chồng hàn gắn với nhau nên bà đã rút đơn theo Quyết định đình chỉ số 475/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2020. Tuy nhiên, sau đó tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc C.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/01/1997, Nguyễn Phương H1, sinh ngày 28/3/2002 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 29/12/2011. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Gia B, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ngọc A và Phương H1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không đến Tòa án làm việc và không có bản khai nộp Tòa án.

****Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị H; Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/01/1997, Nguyễn Phương H1, sinh ngày 28/3/2002 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 29/12/2011. Cháu Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ do vậy đề nghị Tòa án giao cháu Gia B cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu; Riêng cháu Ngọc A và Phương H1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết; Bà H trình bày về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: không có. Tuy nhiên do chưa lấy được lời khai của ông C nên đề nghị tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các bên có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H có đơn xin vắng mặt khi xét xử; Ông C mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tòa để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H và ông C.

[2] Về thẩm quyền: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C, có địa chỉ cư trú tại nhà không số, tổ 19, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh D. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[3] Về quan hệ pháp luật và pháp luật áp dụng: Bà H và ông C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND phường N, thành phố N, tỉnh H (Nay là tỉnh N) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1994. Căn cứ quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp. Bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C và giải quyết về con chung, đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua đơn xin ly hôn của bà H, tại bản tự khai và lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giải cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông C là có thật thể hiện ở việc ông C cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn đoàn tụ với bà H điều này thể hiện qua việc ông C đã không đến tòa trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông C từ lâu đã không còn đạt được nên nếu có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải hàn gắn cũng không có kết quả. Vì vậy căn cứ Điều 56, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn ông C.

[5] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 13/01/1997, Nguyễn Phương H1, sinh ngày 28/3/2002 và Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 29/12/2011. Xét thấy, cháu Gia B có nguyện vọng được ở với mẹ và cũng nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu Gia B cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Riêng cháu Ngọc A và Phương H1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông C chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: không có. Tuy nhiên, do chưa lấy được lời khai của ông C nên tách phần tài sản chung và nợ chung để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nêu sau này các bên có yêu cầu.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quốc C.
2. Về con chung: Giao Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 29/12/2011 cho bà H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông C chưa cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Ngọc A và Phương H1 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
- Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo thủ tục pháp luật quy định.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001368 ngày 18/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
5. Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quốc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Đương sự (2);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp